

Bản án số: 989/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Quý D; địa chỉ nơi cư trú: Xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Châu T; địa chỉ nơi cư trú: Đường I, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 29 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Hà Thị Quý D trình bày: Bà D và ông T tự nguyện xây dựng gia đình năm 2011, có đăng ký kết hôn và được UBND phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 205 ngày 06/9/2011. Quá trình chung sống bà và ông T có với nhau 04 con chung tên là Châu Tiên P, sinh ngày 06/8/2012, Châu Nhã P, sinh ngày 07/02/2014, Châu Đình P và Châu Đình Ph, sinh ngày 05/6/2017.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra việc cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc làm ăn. Ngoài ra, ông T còn ham mê cờ bạc, gây ra nợ nần khiến kinh tế gia đình làm ra được

bao nhiêu đều dùng để trả nợ cờ bạc cho ông T. Bà D đã từng bỏ về quê sinh sống một thời gian và có ý định ly hôn nhưng vì nghĩ các con còn nhỏ và ông T cũng hứa hẹn sẽ thay đổi nên bà D quay về sống lại với ông T nhưng ông T không thay đổi như bà D nghĩ. Vì công việc làm ăn, các con sinh ra từ nhỏ đã phải gửi về quê cho cha mẹ bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng vợ chồng làm được bao nhiêu tiền đều đem trả nợ cờ bạc cho ông T và mỗi lần thua cờ bạc, ông T lại dẫn vật gây gỗ đánh mắng bà. Do không chịu đựng nổi nên từ cuối năm 2019, bà D đã bỏ về quê sinh sống cùng các con. Bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; yêu cầu được quyền nuôi các con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Bị đơn là ông T trình bày: Ông T xác nhận những lời trình bày của bà D về quá trình ông bà xây dựng gia đình và có 4 con chung là đúng. Ông T cũng xác nhận do phải lo việc làm ăn nên từ lúc các con được sinh ra đều do bà D đem quê về chăm sóc nuôi dưỡng với sự trợ giúp của gia đình bà D và các con đều học hành ở quê. Hàng tháng ông bà gửi tiền về quê cho cha mẹ bà D nuôi con giúp và khi có thời gian rảnh ông mới về thăm con hoặc bà D đưa con lên thăm ông.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông T thừa nhận do công việc làm ăn có lúc không như ý muốn nên ông buồn chán và có chơi cờ bạc, nhưng không thường xuyên và nếu có chơi thua thì cũng chỉ thua tiền do vợ chồng buôn bán kiếm được. Về nợ nần thì nợ cờ bạc chỉ một phần, một phần là nợ để gây cơ sở kinh doanh. Ông T thừa nhận do áp lực công việc và tiền bạc nên thường nóng nảy lớn tiếng với bà D khiến bà D buồn phiền nhưng ông không có đánh đập gì bà D. Vì vậy, ông T mong muốn bà D bỏ qua để vợ chồng cùng lo làm ăn nuôi con. Tuy nhiên, nếu bà D vẫn không bỏ qua những lỗi lầm của ông và cương quyết xin ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết và ông yêu cầu được nuôi hai con nhỏ là trẻ Phong và trẻ Phú; đồng ý để bà D nuôi 2 con lớn là trẻ Tiên P và trẻ Nhã P; ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bà D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T đây là tranh chấp về ly hôn. Ông T có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Bà D xin ly hôn với ông T vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn gia đình phát sinh có phần lỗi của ông. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông T là có thật, các đương sự cũng đã có thời gian tự hàn gắn, khắc phục nhưng vẫn không có kết quả. Bà D vẫn cương quyết xin ly hôn và thực tế hiện nay bà D và ông T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Xét yêu cầu của ông T xin được nuôi hai con nhỏ là trẻ Phong và trẻ Phú.

Xét, trẻ Châu Đình Ph và Châu Đình P, cùng sinh ngày 05/6/2017; tại thời điểm hiện nay mới vừa hơn 3 tuổi, các trẻ còn quá nhỏ để có thể giao cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng trong điều kiện ông T còn phải lo việc kinh doanh buôn bán. Hơn nữa, việc tách các trẻ khỏi mẹ trong giai đoạn hiện nay là không phù hợp, không đảm bảo điều kiện chăm sóc cho các trẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[5] Xét yêu cầu được nuôi các con chung của bà D

Trẻ Châu Tiên P, sinh năm 2012, có nguyện vọng sống với mẹ; các trẻ còn lại là trẻ Nhã P, sinh năm 2014; trẻ P và Ph, sinh năm 2017 đều còn nhỏ; và như nhận định ở trên, việc giao trẻ P và Ph cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng trong điều kiện hiện nay là không phù hợp với độ tuổi cũng như điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ. Còn đối với trẻ Tiên P và trẻ Nhã P, ông T đồng ý giao cho bà D nuôi dưỡng, không có tranh chấp và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà D được trực tiếp nuôi các con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Quý D được ly hôn với Ông Châu T.

2. Về con chung: Giao 04 con chung tên là Châu Tiên P, sinh ngày 06/8/2012, Châu Nhã P, sinh ngày 07/02/2014, Châu Đình P và Châu Đình Ph, sinh ngày 05/6/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà D phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0026084 ngày 15/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bà D và ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- UBND P.12, Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Hà